TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **68**/2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 23 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Trương Vĩnh H,** sinh năm: 1978; Trú tại: Tổ 32, phường Đ, quận S, TP. Đà Nẵng.

+ Bà **Đỗ Khánh D**, sinh năm: 1979; Trú tại: Tổ 32, phường Đ, quận S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D kết hôn vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận S, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 160, quyển số: 01 cấp ngày 09/12/2003. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống tại địa chỉ: K32/1 đường L, tổ 32 phường Đ, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng ông bà bất đồng với nhau về tính cách và quan điểm sống. Mặc dù ông bà đã cố gắng hòa hợp, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Do vậy, ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông H và bà D lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông H và bà D đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông H và bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D xác định có 02 con chung là: Trương Hoàng Khánh N- Sinh ngày: 27/5/2005 và Trương Hoàng Khánh L- Sinh ngày: 11/8/2007.

Thuận tình ly hôn, ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D thỏa thuận thống nhất giao con Trương Hoàng Khánh N cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con Trương Hoàng Khánh L cho ông H được

trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 8458 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Trương Vĩnh H** và bà **Đỗ Khánh D.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 160, quyển số: 01 do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2003 không còn giá trị pháp lý).*

- Về quan hệ con chung: Ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D xác định có 02 con chung là: có 02 con chung là: Trương Hoàng Khánh N- Sinh ngày: 27/5/2005 và Trương Hoàng Khánh L- Sinh ngày: 11/8/2007. Thuận tình ly hôn, ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D thỏa thuận thống nhất giao con Trương Hoàng Khánh N cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con Trương Hoàng Khánh L cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung: Ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Trương Vĩnh H và bà Đỗ Khánh D thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 8458 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND P. Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM